

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
	Phùng Thị Trúc Liên			750.000	-	Tổ 4 - khu phố 2
4	Chủ hộ: Hứa Thị Minh	2	2	750.000	1.500.000	Tổ 12 - khu phố 2
	Hứa Văn Chiến			750.000	-	Tổ 12 - khu phố 2
5	Chủ hộ: Nguyễn Thị Bình	4	4	750.000	3.000.000	Tổ 12 - khu phố 2
	Nguyễn Trường Sơn			750.000	-	Tổ 12 - khu phố 2
	Lê Thị Bích Ngọc			750.000	-	Tổ 12 - khu phố 2
	Lê Thị Thùy Trang			750.000	-	Tổ 12 - khu phố 2
6	Chủ hộ: Lưu Thị Xuyên	4	4	750.000	3.000.000	Tổ 12 - khu phố 2
	Nguyễn Văn Nghĩa			750.000	-	Tổ 12 - khu phố 2
	Nguyễn Văn Hào			750.000	-	Tổ 12 - khu phố 2
	Nguyễn Thị Quỳnh Như			750.000	-	Tổ 12 - khu phố 2
7	Chủ hộ: Tạ Thị Phúc	2	2	750.000	1.500.000	Tổ 12 - khu phố 2
	Tạ Văn Hùng			750.000	-	Tổ 12 - khu phố 2
8	Chủ hộ: Phạm Văn Hiếu	6	6	750.000	4.500.000	Tổ 2 - khu phố 2
	Phạm Thị Kiều Linh			750.000	-	Tổ 2 - khu phố 2
	Phạm Chí Minh			750.000	-	Tổ 2 - khu phố 2
	Phạm Hữu Sang			750.000	-	Tổ 2 - khu phố 2
	Phạm Gia Hân			750.000	-	Tổ 2 - khu phố 2
	Phạm Gia Nghi			750.000	-	Tổ 2 - khu phố 2
9	Chủ hộ: Đinh Lê Thanh Trung	4	4	750.000	3.000.000	Tổ 13 - khu phố 2
	Phạm Thị Hồng Diệp			750.000	-	Tổ 13 - khu phố 2
	Đinh Phúc Khang			750.000	-	Tổ 13 - khu phố 2

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
	Đinh Phúc Bảo			750.000	-	Tổ 13 - khu phố 2
10	Chủ hộ: Dương Văn Thành	4	3		2.250.000	Tổ 2 - khu phố 3
	Phạm Thị Tuyết Phương			750.000	-	Tổ 2 - khu phố 3
	Dương Chí Vỹ			750.000	-	Tổ 2 - khu phố 3
	Dương Chí Vũ			750.000	-	Tổ 2 - khu phố 3
11	Chủ hộ: Nguyễn Thị Bình	4	4	750.000	3.000.000	Tổ 14 - khu phố 3
	Lê Hữu Tính			750.000	-	Tổ 14 - khu phố 3
	Lê Nguyễn Bảo Nam			750.000	-	Tổ 14 - khu phố 3
	Lê Nhật Tân			750.000	-	Tổ 14 - khu phố 3
12	Chủ hộ: Nguyễn Thị Minh Hiếu	4	4	750.000	3.000.000	Tổ 6 - khu phố 4
	Hoàng Bình			750.000	-	Tổ 6 - khu phố 4
	Hoàng Xuân Diễm			750.000	-	Tổ 6 - khu phố 4
	Hoàng Thị Minh Anh			750.000	-	Tổ 6 - khu phố 4
13	Chủ hộ: Tăng Thanh Hải	5	5	750.000	3.750.000	Tổ 3 - khu phố 5
	Lý Thị Kim Loan			750.000	-	Tổ 3 - khu phố 5
	Lý Thương Thương			750.000	-	Tổ 3 - khu phố 5
	Tăng Văn Tài			750.000	-	Tổ 3 - khu phố 5
	Tăng Thanh Tú			750.000	-	Tổ 3 - khu phố 5
14	Chủ hộ: Nguyễn Thị Hanh	3	3	750.000	2.250.000	Tổ 12 - khu phố 2
	Nguyễn Thị Vân Anh			750.000	-	Tổ 12 - khu phố 2
	Nguyễn Thị Ánh Vân			750.000	-	Tổ 12 - khu phố 2
15	Chủ hộ: Nguyễn Thị Bích	4	4	750.000	3.000.000	Tổ 5 - khu phố 2

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
	Nguyễn Thanh Hà			750.000	-	Tổ 5 - khu phố 2
	Nguyễn Trung Đức			750.000	-	Tổ 5 - khu phố 2
	Nguyễn Thị Giáng My			750.000	-	Tổ 5 - khu phố 2
16	Chủ hộ: Nguyễn Duy Quang	5	4	750.000	3.000.000	Tổ 13 - khu phố 2
	Trần Thị Lương			750.000	-	Tổ 13 - khu phố 2
	Nguyễn Thị Thu Thủy			750.000	-	Tổ 13 - khu phố 2
	Nguyễn Duy Trung			750.000	-	Tổ 13 - khu phố 2
17	Chủ hộ: Nguyễn Thị Hương Thơm	3	3	750.000	2.250.000	Tổ 9 - khu phố 3
	Nguyễn Minh Trí			750.000	-	Tổ 9 - khu phố 3
	Lê Nguyễn Quỳnh Như			750.000	-	Tổ 9 - khu phố 3
18	Chủ hộ: Nguyễn Thị Hiền	5	5	750.000	3.750.000	Tổ 5 - khu phố 5
	Lê Hùng Cường			750.000	-	Tổ 5 - khu phố 5
	Lê Thị Phước			750.000	-	Tổ 5 - khu phố 5
	Lê Văn Hùng			750.000	-	Tổ 5 - khu phố 5
	Lê Thị Oanh			750.000	-	Tổ 5 - khu phố 5
	8. PHUỜNG XUÂN BÌNH	10	6	4.500.000	4.500.000	
1	Chủ hộ: Nguyễn Tùng Chuẩn	6	5	750.000	3.750.000	Tổ 17 Kp2
	Giáp Thị Mỹ Phượng			750.000		
	Nguyễn Thị Thanh Ngân			750.000		
	Nguyễn Trung Thuận			750.000		
	Nguyễn Thị Thanh Thảo			750.000		
2	Chủ hộ: Nguyễn Huy Hoài	4	1		750.000	KP2

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
	Nguyễn Ái Xuân			750.000		
	9. PHƯỜNG XUÂN TÂN	122	118	88.500.000	88.500.000	
1	- Chủ hộ: Phạm Thanh Hưng	4	4	750.000	3.000.000	
	Lê Thị Hương			750.000		
	Phạm Quốc Huy			750.000		
	Phạm Minh Hoàng			750.000		Khu phố Cẩm Tân
2	Chủ hộ: Nguyễn Thị Xinh	6	5		3.750.000	
	Nguyễn Phú Cường			750.000		
	Nguyễn Văn Thịnh			750.000		
	Nguyễn Thị Lợi			750.000		
	Nguyễn Văn Tiên			750.000		
	Nguyễn Văn Dũ			750.000		
3	Chủ hộ: Võ Văn Bút	7	7	750.000	5.250.000	
	Võ Văn Hòa			750.000		
	Võ Văn Linh			750.000		
	Võ Văn Toàn			750.000		
	Kha Thị Thu Diệu			750.000		
	Võ Thụy Quỳnh Như			750.000		
	Võ Ngọc Bảo An			750.000		
4	Chủ hộ: Phạm Thị Lan	3	3	750.000	2.250.000	
	Hoàng Trúc Ly			750.000		
	Nguyễn Ngọc Phương Anh			750.000		Khu phố Cẩm Tân

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	I	2	3	4 = 2 x 3	5
5	Chủ hộ: Phạm Thị Oi	5	5	750.000	3.750.000	Khu phố Cẩm Tân
	Nguyễn Văn Trí			750.000		
	Nguyễn Văn Huynh			750.000		
	Huỳnh Thị Hằng Ni			750.000		
	Nguyễn Thị Kim Anh			750.000		Khu phố Cẩm Tân
6	Chủ hộ: Nguyễn Thị Hiếu	3	3	750.000	2.250.000	
	Nguyễn Thanh Ngọc Linh			750.000		
	Nguyễn Gia Thịnh			750.000		Khu phố Cẩm Tân
7	Chủ hộ: Phạm Văn Nhân	3	3	750.000	2.250.000	
	Phạm Võ Tường Vy			750.000		
	Phạm Võ Hải Đăng			750.000		Khu phố Cẩm Tân
8	Chủ hộ: Nguyễn Thị Sáu	6	5		3.750.000	
	Nguyễn Văn Thái			750.000		
	Nguyễn Thái Thanh			750.000		
	Nguyễn Hoài Thanh			750.000		
	Phan Thị Thúy An			750.000		Khu phố Cẩm Tân
	Nguyễn Thanh Thúy			750.000		
9	Chủ hộ: Lê Thị Liễu	5	5	750.000	3.750.000	
	Trần Văn Thanh			750.000		
	Trần Lê Thanh Trúc			750.000		Khu phố Cẩm Tân
	Lê Trúc Em			750.000		
	Lê Thanh Châu			750.000		

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	I	2	3	$4 = 2 \times 3$	5
10	Chủ hộ: Hoàng Thị Liên	4	4	750.000	3.000.000	Khu phố Cẩm Tân
	Nguyễn Hoàng Thị Hồng Vân			750.000		
	Nguyễn Hoàng Vinh			750.000		
	Nguyễn Hữu Phú			750.000		
11	Chủ hộ: Huỳnh Thị Bích Trâm	3	3	750.000	2.250.000	Khu phố Cẩm Tân
	Phạm Huỳnh Thiên Kim			750.000		
	Phạm Huỳnh Bảo Ngọc			750.000		
12	Chủ hộ: Lê Xuân Bình	6	6	750.000	4.500.000	Khu phố Cẩm Tân
	Thiều Thị Tuấn			750.000		
	Lê Thị Thùy			750.000		
	Lê Xuân Đức			750.000		
	Lê Xuân Lâm Anh			750.000		
	Lê Xuân Trọng Hoàng			750.000		Khu phố Cẩm Tân
13	- Chủ hộ: Nguyễn Thành Nhung	5	5	750.000	3.750.000	
	Phạm Thị Hằng			750.000		
	Nguyễn Phạm Thành Nhật			750.000		
	Nguyễn Phạm Nhật Ninh			750.000		Khu phố Cẩm Tân
	Nguyễn Phạm Huỳnh Nhi			750.000		
14	Chủ hộ: Thị Diệu	7	7	750.000	5.250.000	
	Thổ Châu			750.000		
	Thổ Lạc			750.000		Khu phố Tân Phong
	Trần Thị Hiếu			750.000		

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
	Thổ Thị Châu giang			750.000		
	Thổ Văn Sang			750.000		
	Thổ Hoài Thịnh			750.000		
15	- Chủ hộ: Bùi Thị Kim Phụng	5	5	750.000	3.750.000	Khu phố Tân Phong
	Bùi Thanh Ngọc Ân			750.000		
	Bùi Thị Xuân Liễu			750.000		
	Bùi Thanh Hồng Đức			750.000		
	Bùi Thanh Ngọc Át			750.000		Khu phố Tân Phong
16	- Chủ hộ: Phan Thị Thơm	6	6	750.000	4.500.000	
	Phạm Ngọc Đức			750.000		
	Phạm Quốc Thiện			750.000		
	Phạm Văn Huy			750.000		Khu phố Tân Phong
	Nguyễn Thị Nhàn			750.000		
	Phạm Thị Tường Vy			750.000		
17	- Chủ hộ: Phạm Thanh Sơn	5	5	750.000	3.750.000	
	Trương Thị Chim			750.000		Khu phố Tân Phong
	Phạm Thanh Duy			750.000		
	Phạm Thanh Hoàng Vũ			750.000		
	Phạm Thị Kim Ngân			750.000		
18	- Chủ hộ: Phạm Tấn Lợi	4	4	750.000	3.000.000	Khu phố Tân Phong
	Phạm Thị Ngọc Như Ý			750.000		
	Phạm Như Ngọc			750.000		

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
4	B	1	2	3	$4 = 2 \times 3$	5
	Phạm Ngọc Ánh			750.000		
19	Chủ hộ: Trần Đào	4	4	750.000	3.000.000	
	Trần Thị Phương Nhi			750.000		
	Trần Hoài Ân			750.000		
	Trần Phương Mỹ Hân			750.000		Khu phố Tân Phong
20	- Chủ hộ: Nguyễn Văn Hùng	4	4	750.000	3.000.000	
	Nguyễn Thị Hồng nhi			750.000		
	Nguyễn Văn Cường			750.000		Khu phố Tân Phong
	Nguyễn Minh Huy			750.000		
21	Chủ hộ: Nguyễn Thị Thu	3	3	750.000	2.250.000	
	Thái Hữu Thành			750.000		Khu phố Nông Doanh
	Thái Hữu Thành			750.000		
22	- Chủ hộ: Nguyễn Thị Gái	2	2	750.000	1.500.000	
	Trương Văn Tý Hon			750.000		Khu phố Nông Doanh
23	- Chủ hộ: Huỳnh Hữu Sang	5	5	750.000	3.750.000	
	Nguyễn Thị Thu thủy			750.000		
	Huỳnh Thị Hiếu Hiền			750.000		Khu phố Nông Doanh
	Huỳnh Thị Hiếu Thảo			750.000		
	Huỳnh Thị Thảo Nhi			750.000		
24	Chủ hộ: Châu Thị Ngọc Diệp	4	3		2.250.000	
	Trần Văn Sự			750.000		
	Trần Châu Kim Oanh			750.000		Khu phố Nông Doanh

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
	Trần Châu Minh Tú			750.000		
25	Chủ hộ: Châu Sinh	3	3	750.000	2.250.000	Khu phố Nông Doanh
	Châu Phan			750.000		
	Châu Thị Huyền			750.000		
26	Chủ hộ: Nguyễn Văn Thao	4	4	750.000	3.000.000	Khu phố Nông Doanh
	Trần Minh Trí			750.000		
	Trần Minh Tân			750.000		
	Nguyễn Minh Phúc			750.000		
27	Chủ hộ: Nguyễn Thị Cẩm	2	2	750.000	1.500.000	Khu phố Nông Doanh
	Trương Bá Thuận			750.000		
28	Chủ hộ: Nguyễn Minh Tuấn	4	3		2.250.000	
	Nguyễn Thị Tròn			750.000		
	Nguyễn Tuấn Anh			750.000		
	Nguyễn Phương Uyên			750.000		
10. PHƯỜNG SUỐI TRE		34	32	24.000.000	24.000.000	
1	Chủ hộ: Phùng Thị Thu Hà	3	3	750.000	2.250.000	KP Suối Tre
	Phan Bá Hoàng Việt			750.000		
	Phan Bá Việt			750.000		
2	Chủ hộ: Đoàn Thị Loan	4	3	750.000	2.250.000	KP Đường Đường
	Đoàn Phạm Phi Hùng			750.000		
	Đoàn Nguyễn Duy Phương			750.000		
3	Nguyễn Văn Nhac	6	5	750.000	3.750.000	

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
4	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
	Trần Thị Thanh Dân			750.000		
	Nguyễn Trần Thanh Thảo			750.000		
	Nguyễn Quốc Sỹ			750.000		
	Nguyễn Quốc Thịnh			750.000		KP Núi Tung
4	Chủ hộ: Phan Thị Thanh Trúc	4	4	750.000	3.000.000	
	Thỏ Trúc Lam			750.000		
	Thỏ Minh Triết			750.000		
	Thỏ Minh Ân			750.000		KP Suối Tre
5	Chủ hộ: Phạm Thị Thu Nga	3	3	750.000	2.250.000	
	Đặng Phạm Gia Bảo			750.000		
	Đặng Phạm Gia An			750.000		KP Suối Tre
6	Chủ hộ: Đoàn Thị Thái	4	4	750.000	3.000.000	
	Đoàn Ngọc Thương			750.000		
	Đoàn Minh Hiếu			750.000		
	Đoàn Ngọc Thu Thảo			750.000		KP Cấp Rang
7	Nguyễn Thị Gái	4	4	750.000	3.000.000	
	Nguyễn Minh Thư			750.000		
	Nguyễn Duy Đức			750.000		
	Nguyễn Chí Hưng			750.000		KP Cấp Rang
8	Hồ Quang Thịnh	6	6	750.000	4.500.000	KP Cấp Rang
	Đỗ Thị Sự			750.000		
	Hồ Như Quỳnh			750.000		

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	I	2	3	4 = 2 x 3	5
	Hồ Thị Thùy Linh			750.000		
	Hồ Ngọc Tú			750.000		
	Hồ Bảo Ngọc			750.000		
11. PHƯỜNG BẢO VINH		94	84	63.000.000	63.000.000	
1	Chủ hộ: Nguyễn Ngọc Hòa	3	3	750.000	2.250.000	Tổ 7 Bảo Vinh A
	Nguyễn Thị Tâm			750.000		Tổ 7 Bảo Vinh A
	Nguyễn Quốc Bảo			750.000		Tổ 7 Bảo Vinh A
2	Chủ hộ: Văn Công Bổng	4	2	0	1.500.000	Tổ 7 Bảo Vinh A
	Văn Công Vũ			750.000		Tổ 7 Bảo Vinh A
	Văn Công Hiếu			750.000		Tổ 7 Bảo Vinh A
3	Chủ hộ: Nguyễn Vũ Thụy	5	5	750.000	3.750.000	Tổ 7 Bảo Vinh A
	Nguyễn Trung Cang			750.000		Tổ 7 Bảo Vinh A
	Nguyễn Trung Hiếu			750.000		Tổ 7 Bảo Vinh A
	Nguyễn Đại Phú			750.000		Tổ 7 Bảo Vinh A
	Nguyễn Đại Quý			750.000		Tổ 7 Bảo Vinh A
4	Chủ hộ: Huỳnh Thị Thơm	5	5	750.000	3.750.000	Tổ 26 Bảo Vinh A
	Dương Huỳnh Đức			750.000		Tổ 26 Bảo Vinh A
	Trần Thị Hồng Loan			750.000		Tổ 26 Bảo Vinh A
	Dương Minh Nghĩa			750.000		Tổ 26 Bảo Vinh A
	Dương Trần Hồng Nhân			750.000		Tổ 26 Bảo Vinh A
5	Chủ hộ: Thị Chiểu	3	3	750.000	2.250.000	Tổ 17 Bảo Vinh B
	Thổ Luân			750.000		Tổ 17 Bảo Vinh B

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
4	B Thổ Phước	1	2	3 750.000	$4 = 2 \times 3$	5 Tổ 17 Bảo Vinh B
6	Chủ hộ: Trần Văn Phước Nguyễn Thị Hồng Khanh Trần Thị Bé Thảo Trần Thị Mỹ Linh	4	4	750.000 750.000 750.000 750.000	3.000.000	Tổ 8 Bảo Vinh B Tổ 8 Bảo Vinh B Tổ 8 Bảo Vinh B
7	Chủ hộ: Nguyễn Thị Khôi Nguyễn Mai Nguyễn Thùy Trâm Mai Nguyễn Thùy Dương	3	3	750.000 750.000 750.000	2.250.000	Tổ 15 Bảo Vinh B Tổ 15 Bảo Vinh B Tổ 15 Bảo Vinh B
8	Chủ hộ: Võ Phi Hùng Hoàng Thị Lành Võ Hoàng Bích Hào Hoàng Thị Anh Võ Hoàng Bảo Ngọc Hoàng Gia Khang Hoàng Minh Nhật	7	6	0 750.000 750.000 750.000 750.000 750.000 750.000	4.500.000	Tổ 20 Bảo Vinh B Tổ 20 Bảo Vinh B Tổ 20 Bảo Vinh B Tổ 20 Bảo Vinh B Tổ 20 Bảo Vinh B Tổ 20 Bảo Vinh B Tổ 20 Bảo Vinh B
9	Chủ hộ: Nguyễn Thị Bông Lê Thị Bình An	3	2	750.000 750.000	1.500.000	Tổ 27 Bảo Vinh B Tổ 27 Bảo Vinh B
10	Chủ hộ: Nguyễn Đình Tấn Lực Vòng Say Khoảnh Nguyễn Đình Tấn Phong Nguyễn Đình Thiên Long	4	4	750.000 750.000 750.000 750.000	3.000.000	Tổ 34 Bảo Vinh B Tổ 34 Bảo Vinh B Tổ 34 Bảo Vinh B Tổ 34 Bảo Vinh B
11	Chủ hộ: Trương Thị Bé	4	4	750.000	3.000.000	Tổ 16 Rúong Hới

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
	Lê Hữu Minh			750.000		Tổ 16 Ruộng Hời
	Lê Hữu Đình			750.000		Tổ 16 Ruộng Hời
	Lê Hữu Quang			750.000		Tổ 16 Ruộng Hời
12	Chủ hộ: Nguyễn Văn Hai	5	4	0	3.000.000	Tổ 6 Ruộng Hời
	Nguyễn Thị Anh Thư			750.000		Tổ 6 Ruộng Hời
	Nguyễn Thị Anh Phương			750.000		Tổ 6 Ruộng Hời
	Nguyễn Thanh Hoàng			750.000		Tổ 6 Ruộng Hời
	Cao Gia Lâm			750.000		Tổ 6 Ruộng Hời
13	Chủ hộ: Cẩm Tài	3	3	750.000	2.250.000	Tổ 13 Ruộng Hời
	Nguyễn Nguyệt Phái			750.000		Tổ 13 Ruộng Hời
	Cam Minh Đức			750.000		Tổ 13 Ruộng Hời
14	Chủ hộ: Nguyễn Thị Tùng	2	1	0	750.000	Tổ 14 Ruộng Hời
	Trần Minh Công			750.000		Tổ 14 Ruộng Hời
15	Chủ hộ: Nguyễn Đóa	4	4	750.000	3.000.000	Tổ 17 Ruộng Lớn
	Lê Thị Lùn			750.000		Tổ 17 Ruộng Lớn
	Nguyễn Đăng Tư			750.000		Tổ 17 Ruộng Lớn
	Nguyễn Đăng Khoa			750.000		Tổ 17 Ruộng Lớn
16	Chủ hộ: Nguyễn Thành Danh	4	4	750.000	3.000.000	Tổ 17 Ruộng Lớn
	Nguyễn Thanh Tuấn			750.000		Tổ 17 Ruộng Lớn
	Nguyễn Tuấn Thanh			750.000		Tổ 17 Ruộng Lớn
	Nguyễn Thị Thanh Trúc			750.000		Tổ 17 Ruộng Lớn
17	Chủ hộ: Vương Đạt Cản	6	6	750.000	4.500.000	Tổ 17 Ruộng Lớn

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	I	2	3	$4 = 2 \times 3$	5
	Lê Thị Liên			750.000		Tổ 17 Ruộng Lớn
	Vương Tú Ngân			750.000		Tổ 17 Ruộng Lớn
	Vương Tú Nga			750.000		Tổ 17 Ruộng Lớn
	Vương Quốc Hiền			750.000		Tổ 17 Ruộng Lớn
	Vương Quốc Hòa			750.000		Tổ 17 Ruộng Lớn
18	Chủ hộ: Thị Tường	2	1	0	750.000	Tổ 23 Ruộng Lớn
	Thổ Tuấn			750.000		Tổ 23 Ruộng Lớn
19	Chủ hộ: Lâm Thị Dận	4	3	0	2.250.000	Tổ 23 Ruộng Lớn
	Hồ Nhật Anh			750.000		Tổ 23 Ruộng Lớn
	Lâm Nhật Minh			750.000		Tổ 23 Ruộng Lớn
	Lâm Thị Ngọc Diệu			750.000		Tổ 23 Ruộng Lớn
20	Chủ hộ: Nguyễn Thị Mai Nương	4	3	0	2.250.000	Tổ 27 Ruộng Lớn
	Nguyễn Văn Đức			750.000		Tổ 27 Ruộng Lớn
	Nguyễn Can Cảnh			750.000		Tổ 27 Ruộng Lớn
	Nguyễn Văn Trí			750.000		Tổ 27 Ruộng Lớn
21	Chủ hộ: Lê Thị Ánh Hồng	3	3	750.000	2.250.000	Tổ 30 Ruộng Lớn
	Trần Quốc Việt			750.000		Tổ 30 Ruộng Lớn
	Trần Lê Nam			750.000		Tổ 30 Ruộng Lớn
22	Chủ hộ: Thổ Lạc	7	7	750.000	5.250.000	Tổ 4 Suối Chồn
	Bách Thị Hà			750.000		Tổ 4 Suối Chồn
	Thổ Thị Mai			750.000		Tổ 4 Suối Chồn
	Thổ Thị Loan			750.000		Tổ 4 Suối Chồn

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
	Thổ Huy			750.000		Tổ 4 Suối Chồn
	Thổ Thị Phụng			750.000		Tổ 4 Suối Chồn
	Thổ Hoàng			750.000		Tổ 4 Suối Chồn
23	Chủ hộ: Trương Công Liệu	5	4	0	3.000.000	Tổ 3 Suối Chồn
	Nguyễn Thị Thanh Tuyền			750.000		Tổ 3 Suối Chồn
	Trương Nguyễn Hồng Nhung			750.000		Tổ 3 Suối Chồn
	Trương Nguyễn Tuấn Anh			750.000		Tổ 3 Suối Chồn
	Trương Nguyễn Xuân Mai			750.000		Tổ 3 Suối Chồn
	12. XÃ HÀNG GÒN	7	6	4.500.000	4.500.000	
1	Chủ hộ: Đặng Văn Hải	4	3	750.000	2.250.000	ấp Hàng Gòn
	Đặng Văn Hiếu			750.000		
	Đặng Thị Thanh Thảo			750.000		
2	Chủ hộ: Nguyễn Văn Thiều	3	3	750.000	2.250.000	ấp Hàng Gòn
	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa			750.000		
	Nguyễn Thị Quỳnh Mai			750.000		
	13. XÃ BẢO QUANG	67	62	46.500.000	46.500.000	
1	- Chủ hộ: Hoàng Văn Minh	6	6	750.000	4.500.000	Ấp 18 Gia Đình, Xã Bảo Quang
	Vì Thị Khang			750.000	-	
	Hoàng Tấn Duy			750.000	-	
	Hoàng Ánh Tuyết			750.000	-	
	Hoàng Tấn Đạt			750.000	-	
	Hoàng Ánh Trúc			750.000	-	

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	$4 = 2 \times 3$	5
2	- Chủ hộ: Nguyễn Văn Phai	5	5	750.000	3.750.000	
	Nguyễn Thị Lành			750.000	-	
	Nguyễn Thị Kim Thanh			750.000	-	Ấp 18 Gia Đình, Xã Bảo Quang
	Nguyễn Văn Thao			750.000	-	
	Nguyễn Văn Thắng			750.000	-	
3	- Chủ hộ: Ngô Thị Thúy Hằng	3	3	750.000	2.250.000	
	Phan Văn Phước			750.000	-	Ấp 18 Gia Đình, Xã Bảo Quang
	Ngô Thị Hoàng Oanh			750.000	-	
4	- Chủ hộ: Thổ Bảy	4	4	750.000	3.000.000	
	Thị Bài			750.000	-	Ấp Ruộng Tre, Xã Bảo Quang
	Thổ Thanh Hiền			750.000	-	
	Thổ Thanh Hải			750.000	-	
5	- Chủ hộ: Trắc Thành Hên	3	3	750.000	2.250.000	Ấp Ruộng Tre, Xã Bảo Quang
	Nguyễn Thị Ba			750.000	-	
	Trắc Ngọc Thiện			750.000	-	
6	- Chủ hộ: Lê Văn Bé Ba	3	2		1.500.000	
	Đoàn Thị Quý			750.000	-	Ấp Ruộng Tre, Xã Bảo Quang
	Lê Thiện Dũng			750.000	-	
7	- Chủ hộ: Hoàng Phú Quý	7	6	750.000	4.500.000	
	Trần Thị Thu			750.000	-	
	Hoàng Thị Thanh Thảo			750.000	-	
	Hoàng Phú Lực			750.000	-	Ấp Ruộng Tre, Xã Bảo Quang

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
	Hoàng Phú Tuấn			750.000	-	
	Hoàng Phú Tài			750.000	-	
8	- Chủ hộ: Nguyễn Thị Diệp	5	5	750.000	3.750.000	
	Phan Thanh Quý			750.000	-	
	Đặng Thị Tố Anh			750.000	-	
	Phan Thị Ngọc Uyên			750.000	-	
	Phan Thị Khánh Ngọc			750.000	-	
9	- Chủ hộ: Phạm Thị Kim Cương	4	4	750.000	3.000.000	
	Vòng Phạm A Bảo			750.000	-	
	Vòng Phạm A Hiền			750.000	-	
	Vòng Phạm A Định			750.000	-	
10	- Chủ hộ: Nguyễn Thị Vương Thúy	5	5	750.000	3.750.000	
	Nguyễn Thị Ngọc Mai			750.000	-	
	Nguyễn Đức Hưng			750.000	-	
	Nguyễn Đức Thịnh			750.000	-	
	Nguyễn Thị Bảo Ngọc			750.000	-	
11	- Chủ hộ: Phan Hoàng Thắng	3	3	750.000	2.250.000	
	Cao Thị Luyến			750.000	-	
	Phan Minh Kha			750.000	-	
12	- Chủ hộ: Thị Lan	4	4	750.000	3.000.000	
	Hoàng Kim Bằng			750.000	-	
	Hoàng Kim Thư			750.000	-	

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
	Hoàng Gia Bảo			750.000	-	
13	- Chủ hộ: Thị vự	6	6	750.000	4.500.000	
	Thạch Ân			750.000	-	
	Thạch Hiếu			750.000	-	
	Thạch Hậu			750.000	-	
	Thạch Tình			750.000	-	
	Thị Ngân			750.000	-	
14	- Chủ hộ: Nguyễn Thị Ngọc Ánh	4	3	750.000	2.250.000	
	Nguyễn Thị Hồng Nhi			750.000	-	
	Nguyễn Quốc Huy			750.000	-	
15	- Chủ hộ: Nguyễn Thành Trung	5	3	750.000	2.250.000	
	Lê Thị Tuyết			750.000	-	
	Nguyễn Thị Cẩm Tiên			750.000	-	
	14. XÃ BẦU TRÂM	103	97	72.750.000	72.750.000	
1	Chủ hộ: Nguyễn Thị Ngai	2	1	750.000	750.000	
2	Chủ hộ: Vũ Hoàng Nga	3	3	750.000	2.250.000	
	Phạm Văn Ba			750.000		
	Cao Văn Trọng			750.000		
3	Chủ hộ: Phan Thị Thủy	5	4	750.000	3.000.000	
	Đoàn Phan Thanh Hiền			750.000		
	Đoàn Phan Minh Quyết			750.000		
	Đoàn Phan Khánh Trâm			750.000		

Tổ 5 Bầu Trâm

Tổ 1 Bầu Trâm

Ấp Thọ An, Xã Bảo Quang

Ấp Thọ An, Xã Bảo Quang

Ấp Lác Chiếu, Xã Bảo Quang

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	I	2	3	4 = 2 x 3	5
4	Chủ hộ: Vy Thị Bắc	1	1	750.000	750.000	Tổ 6 Bàu Trám
5	Chủ hộ: Thị Hiền	5	5	750.000	3.750.000	Tổ 8 Bàu Trám
	Thổ Chức			750.000		
	Thổ Thảng			750.000		
	Thị Trâm Anh			750.000		
	Thị Như Anh			750.000		Tổ 8 Bàu Trám
6	Chủ hộ: Nguyễn Thị Thùy Hương	3	3	750.000	2.250.000	
	Lê Thị Thanh Ngân			750.000		
	Lê Thanh Dự			750.000		Tổ 13 Bàu Trám
7	Chủ hộ: Nguyễn Thị Bích Lệ	4	4	750.000	3.000.000	
	Lê Văn Nghĩa			750.000		
	Lê Nguyễn Đức Trung			750.000		
	Lê Nguyễn Trung Hiếu			750.000		Tổ 13 Bàu Trám
8	Chủ hộ: Thị Cường	7	6	750.000	4.500.000	
	Thổ Điệp			750.000		
	Thổ Hoàng Đăng			750.000		
	Thị Minh Xuân			750.000		
	Thổ Hoàng Đăng Khoa			750.000		
	Thổ Thị Yến Nhi			750.000		Tổ 15 Bàu Trám
9	Chủ hộ: Thổ Nghiệp	6	6	750.000	4.500.000	
	Thị Hải			750.000		
	Thổ Thị Thanh Nguyên			750.000		

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
	Thổ Hoàng Duy Phương			750.000		
	Thổ Hoàng Phúc An			750.000		
	Thổ Hoàng Thanh Duy			750.000		
10	Chủ hộ: Thổ Mai	3	2	750.000	1.500.000	Tổ 15 Bàu Trâm
	Thổ Hiền			750.000		
11	Chủ hộ: Thổ Thành	5	5	750.000	3.750.000	Tổ 15 Bàu Trâm
	Thổ Minh Dũng			750.000		
	Thổ Minh Đạt			750.000		
	Thổ Minh Tâm			750.000		
	Thổ Minh Sang			750.000		
12	Chủ hộ: Thổ Lục	4	4	750.000	3.000.000	Tổ 15 Bàu Trâm
	Thổ Hương			750.000		
	Thổ Hoa			750.000		
	Thổ Hà Tuấn Phong			750.000		
13	Chủ hộ: Thổ Kim Hồng	5	5	750.000	3.750.000	Tổ 15 Bàu Trâm
	Thổ Kim Mai			750.000		
	Thổ Kim Hằng			750.000		
	Điền Duy Cường			750.000		
	Điền Duy Tài			750.000		
14	Chủ hộ: Phạm Minh Dẫn	5	4	750.000	3.000.000	Tổ 17 Bàu Trâm
	Nguyễn Thị Trang			750.000		
	Phạm Duy Minh			750.000		

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
	Phạm Minh Khánh			750.000		
15	Chủ hộ: Ngô Thị Thi	2	2	750.000	1.500.000	Tổ 3 Bàu Sằm
	Ngô Thị Phương Thảo			750.000		
16	Chủ hộ: Lê Thị Nga	3	3	750.000	2.250.000	Tổ 3 Bàu Sằm
	Thổ Hiệp			750.000		
	Thổ Minh Hòa			750.000		
17	Chủ hộ: Phan Văn Huỳnh	4	4	750.000	3.000.000	Tổ 5 Bàu Sằm
	Lê Thị Hiền			750.000		
	Phan Thị Ngọc Bích			750.000		
	Phan Thị Ngọc Châu			750.000		
18	Chủ hộ: Trần Nhật Phát	7	7	750.000	5.250.000	Tổ 7 Bàu Sằm
	Điêu Thị Mộng Phương			750.000		
	Trần Nhật Hào			750.000		
	Trần Nhật Hoàng			750.000		
	Trần Nhật Huy			750.000		
	Trần Nhật Phước Đạt			750.000		
	Trần Đại Lộc			750.000		
19	Chủ hộ: Lê Văn Cảnh	3	3	750.000	2.250.000	Tổ 7 Bàu Sằm
	Lê Văn Chính			750.000		
	Lê Thị Dấu			750.000		
20	Chủ hộ: Thị Khuya	3	3	750.000	2.250.000	Tổ 8 Bàu Sằm
	Thổ Như Hào			750.000		

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
4	B Nguyễn Ngọc Thủy	1	2	3 750.000	4 = 2 x 3	5
21	Chủ hộ: Lê Văn Hưng Hà Thị Tuyết Thu Lê Văn Đạt Lê Thị Thảo Nguyên Lê Huy Nhật Lê Thị Thùy Dung	6	6	750.000 750.000 750.000 750.000 750.000 750.000	4.500.000	Tổ 10 Bàu Sấm
22	Chủ hộ: Phan Ngọc Phương Đỗ Minh Hiếu Đỗ Trung Tín Đỗ Tường Vy	4	4	750.000 750.000 750.000 750.000	3.000.000	
23	Chủ hộ: Phan Trung Hậu Lê Thị Thúy Diễm Phan Anh Kiệt Phan Anh Hào Phan Diễm Quỳnh Phan Ngọc Quỳnh Giao Phan Đăng Trình Phan Kim Phương	8	8	750.000 750.000 750.000 750.000 750.000 750.000 750.000 750.000	6.000.000	
24	Chủ hộ: Võ Công Tân Nguyễn Thị Thanh Tuyền Võ Thành Nhân	5	4	750.000 750.000 750.000	3.000.000	
						Tổ 11 Bàu Sấm
						Tổ 12 Bàu Sấm
						Tổ 11 Bàu Sấm

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
	Võ Nguyễn Bảo Trân			750.000		
	Võ Gia Bảo			750.000		
	15. XÃ BÌNH LỘC	0	0	0	0	
	Không có hộ cận nghèo					
	Tổng cộng	688	634		475.500.000	

Ghi chú: Biểu tổng hợp này dùng cho cấp xã/huyện/tỉnh và phải xác định rõ họ và tên của chủ hộ, các thành viên trong hộ được nhận hỗ trợ theo hộ cận nghèo.

K.T.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


 Nguyễn Hòa Hiệp

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO
HƯỚNG CHỈNH SÁCH HỘ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5.71/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Mẫu 3

TT	Đơn vị	HỘ NGHÈO			HỘ CẬN NGHÈO			Tổng số nhân khẩu hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Số hộ nghèo	Số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu trong hộ nghèo được hỗ trợ	Số hộ cận nghèo	Số nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu cận nghèo được hỗ trợ				
4	B	1	2	3	4	5	6	7 = 3 + 6	8	9 = 7 x 8	10
1	P.Xuân An	3	7	4	3	12	12	16		12.000.000	
2	P.Bàu Sen	6	11	3	13	43	32	35		26.250.000	
3	P.Phú Bình	1	8	7	13	61	61	68		51.000.000	
4	P.Xuân Lập	14	37	21	7	25	22	43		32.250.000	
5	P.Xuân Thanh	3	5	2	1	3	3	5		3.750.000	
6	P.Xuân Trung	4	5	-	11	38	35	35		26.250.000	
7	P.Xuân Hòa	12	38	22	18	68	64	86		64.500.000	
8	P.Xuân Bình	2	7	2	2	10	6	8		6.000.000	
9	P.Xuân Tân	4	4	3	28	122	118	121		90.750.000	
10	P.Suối Tre	5	14	8	8	34	32	40		30.000.000	

TT	Đơn vị	HỘ NGHÈO			HỘ CẬN NGHÈO			Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Số hộ nghèo	Số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu trong hộ nghèo được hỗ trợ	Số hộ cận nghèo	Số nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu trong hộ cận nghèo được hỗ trợ				
4	B	1	2	3	4	5	6	7 = 3 + 6	8	9 = 7 x 8	10
11	P.Bảo Vinh	13	26	12	23	94	84	96		72.000.000	
12	X.Hàng Gòn	10	19	7	2	7	6	13		9.750.000	
13	X.Bảo Quang	21	35	26	15	67	62	88		66.000.000	
14	X.Bàu Trâm	22	31	25	24	103	97	122		91.500.000	
15	X.Bình Lộc	1	1	-	-			-		-	
	Tổng cộng	121	248	142	168	687	634	776	-	582.000.000	-

(Bảng chữ: Năm trăm tám mươi hai triệu đồng).

Ghi chú: Biểu tổng hợp này dùng cho cấp xã/huyện/tỉnh và phải xác định rõ họ và tên của chủ hộ, các thành viên trong hộ được nhận hỗ trợ theo hộ cận nghèo.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hòa Hiệp